

Số: 114/CT-INC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

Về việc công bố thông tin tài liệu họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**
- Mã chứng khoán: **INC**
- Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588
- Người thực hiện công bố thông tin: Lại Văn Hoàn - Chức vụ: Kế toán trưởng
- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:

Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 08/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO về việc thống nhất thông qua nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. (Đính kèm Nghị quyết và tài liệu họp)

- Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục Quan hệ cổ đông)

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, VPTH.

**NGƯỜI UỶ QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Lại Văn Hoàn

NGHỊ QUYẾT
Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Căn cứ Phiếu lấy ý kiến số 111/PLYK-CT ngày 07/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất thông qua nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 như sau:

1. Thời gian, địa điểm tổ chức:

- Thời gian: 08 giờ ngày 27/4/2021 (Thứ Ba).
- Địa điểm: Trụ sở Công ty - Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung chương trình: Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo của Giám đốc Công ty.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
- Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch lợi nhuận năm 2021.
- Tờ trình phê duyệt Thù lao của HĐQT, BKS, Người quản trị Công ty năm 2020.
- Tờ trình ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán.
- Các tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
- Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS.

Điều 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban và Đơn vị Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

* **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- TCT IDICO (báo cáo)
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VPTH.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI LIỆU HỢP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

IDICO - INCON
ISO 9001:2015



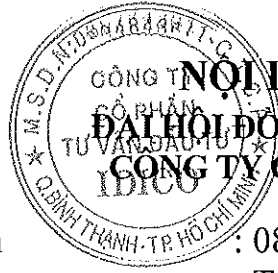
TỔNG CÔNG TY IDICO

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Q. Bình Thạnh - Tp. HCM

ĐT/Fax: 028.38 99 55 88 - www.idico-incon.com.vn

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Thời gian : 08h ngày 27/4/2021 (Thứ Ba)
Địa điểm : Trụ sở Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
Số 100 Nguyễn Gia Trí, P.25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

THỜI GIAN

NỘI DUNG

- | | |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08h00'-08h30' | - Đón tiếp cổ đông, khách mời (<i>Ban tổ chức</i>) |
| 08h30'-08h40' | - Báo cáo kết quả kiểm tra danh sách cổ đông.
- Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu,
- Giới thiệu bầu Đoàn chủ tịch.
- Giới thiệu bầu Thư ký Đại hội.
- Đại hội biểu quyết. |
| 08h40'-08h55' | - Thông qua Nội dung chương trình của Đại hội và Quy chế làm việc. Đại hội biểu quyết.
- Giới thiệu bầu Ban kiểm phiếu. Đại hội biểu quyết. |
| 08h55'-09h05' | - Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2020; Mục tiêu và kế hoạch SXKD năm 2021. |
| 09h05'-09h15' | - Báo cáo của Hội đồng quản trị. |
| 09h15'-09h25' | - Báo cáo của Ban kiểm soát. |
| 09h25'-09h45' | - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.
- Tờ trình thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch lợi nhuận năm 2021.
- Tờ trình phê duyệt Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị năm 2021.
- Tờ trình ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán.
- Tờ trình thông qua Điều lệ Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. |
| 09h45'-10h25' | - Đại hội thảo luận. Đoàn Chủ tịch giải đáp các thắc mắc và kết luận các ý kiến đóng góp của cổ đông.
- Đại hội biểu quyết thông qua các vấn đề trên. |
| 10h25' - 10h45' | BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2022
- Đại hội biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và Danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. |



- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử.
- Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

10h45' - 11h15'

ĐẠI HỘI NGHỈ GIẢI LAO 30 PHÚT.

11h15'-11h25'

- Ban kiểm phiếu đọc kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

11h25'-11h30'

- Đại hội thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Bế mạc Đại hội.



QUY CHẾ ĐẠI HỘI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO,

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (sau đây gọi tắt là Công ty).

1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3 Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Công tác trật tự nội vụ và an ninh của Đại hội:

Các cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia tham dự Đại hội phải:

- Ăn mặc chỉnh tề, nghiêm túc;
- Tuân thủ việc sắp xếp vị trí hoặc khu vực ngồi do Ban tổ chức quy định;
- Không hút thuốc lá trong phòng họp;
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động (tất cả máy điện thoại di động phải để ở chế độ rung);
- Hạn chế ra vào hoặc đi lại trong khi Đại hội đang làm việc;

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội.

2. Quyền của cổ đông tham dự Đại hội:

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu.

- Được phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

- Nếu cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp muộn, được quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết. Hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

- Được quyền từ chối mọi hành vi vận động, không trung thực hoặc dùng áp lực mua chuộc của một người, một nhóm người trong việc biểu quyết, bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, làm ảnh hưởng xấu đến kết quả của Đại hội.

3. Nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội:

- Đăng ký tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự khi nhận được thông báo/thư mời; Có mặt đúng giờ, mang theo giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu, giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

- Chấp hành Quy chế làm việc của Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 4. Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa:

- Điều hành tại Đại hội theo đúng nội dung chương trình, đã được Đại hội thông qua một cách hợp lý có trật tự và phản ánh được mong muốn của các cổ đông.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, giải đáp các ý kiến, lấy biểu quyết các vấn đề phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông; Giải quyết các vấn đề phát sinh tại Đại hội.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 142.8 Luật Doanh nghiệp.

- Chủ tọa có quyền trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp.

Điều 5. Trách nhiệm của Thư ký:

- Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, ghi chép đầy đủ, trung thực, chính xác toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội. Nội dung chủ yếu của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

- Chuẩn bị dự thảo Nghị quyết Đại hội để chủ tọa thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

- Tập hợp Biên bản họp Đại hội, Danh sách cổ đông đăng ký dự Đại hội, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua, tài liệu họp gửi kèm Thông báo mời họp và lưu trữ tại Văn phòng tổng hợp của Công ty.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

- Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu 02 người theo đề nghị của Chủ tọa và được Đại hội biểu quyết thông qua.

- Ban kiểm phiếu phải thực hiện một cách trung thực, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG III THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội:

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Thể thức tiến hành Đại hội:

8.1 Đoàn Chủ tịch gồm 02 người do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa điều hành Đại hội.

8.2 Thư ký: 01 người.

8.3 Ban kiểm phiếu: gồm 02 người.

8.4 Chương trình và nội dung ĐH được thông qua ngay trong phiên khai mạc.

Điều 9. Nội dung Đại hội:

1. Các vấn đề thông qua tại Đại hội:

1.1 Các nội dung Đại hội biểu quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại mục 1.2 và mục 1.3.

1.2 Các nội dung sau được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

1.3 Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải giơ Thẻ biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội.

3. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội:

3.1. Thẻ biểu quyết:

- Thẻ biểu quyết phát cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội có các nội dung sau:

3867
GTY
HVN
ĐAUT
OO
PHOC

- + Họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết.
- + Nội dung các vấn đề cần biểu quyết đánh số thứ tự.
- + Trình tự biểu quyết: Tán thành - Không tán thành - Không có ý kiến.
- Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội.

3.2. Thẻ thức biểu quyết:

- Sau khi Đại hội thảo luận và Chủ tọa đã giải đáp thắc mắc và kết luận tất cả các vấn đề, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tiến hành biểu quyết các vấn đề ghi trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu thu thẻ biểu quyết, kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

4. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đại hội thông qua Quy chế bầu cử. Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu bổ sung.

Điều 10. Hiệu lực thi hành của Quy chế:

1. Quy chế này gồm 03 Chương, 10 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

3. Các vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông không nêu trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Hoàng Văn Hiến

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
của Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông

Giám đốc Công ty IDICO-INCON xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020, xây dựng mục tiêu và kế hoạch năm 2021 với các nội dung như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020, Công ty đã hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua như sau:

1.1 Kết quả thực hiện mục tiêu:

- Phát huy các thế mạnh của Đơn vị trong lĩnh vực quy hoạch và thiết kế hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển và mở rộng thị trường tư vấn của Đơn vị; Công ty đã bước đầu thành công mục tiêu phát triển thị phần tư vấn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, ký mới 06 hợp đồng, trị giá 7,5 tỷ đồng, với nhiều hợp đồng có giá trị lớn. Sản lượng tại thị trường này chiếm khoảng 27% tổng giá trị sản lượng của Đơn vị.

- Khắc phục các khó khăn bất lợi trong công tác thu hồi vốn, đã xử lý xóa nợ và thu hồi một số khoản nợ khó đòi.

- Thực hiện tốt đào tạo nội bộ nâng cao năng lực tư vấn của người lao động, năng lực tư vấn của Đơn vị nhằm tăng sức cạnh tranh trong công tác đấu thầu. Trong năm 2020, Công ty đã trúng thầu và ký mới 41 hợp đồng trị giá khoảng 29 tỷ đồng.

1.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH /KH 2020
1	Giá trị sản lượng vốn	Tr.đ	27.500	28.500	28.600	100,4%
2	Doanh thu tư vấn	Tr.đ	26.000	24.000	24.092	100,4%
3	Lao động SDBQ	Người	60	57	58	101,7%
6	Nộp NSNN	Tr.đ	2.737		2.870	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.958	2.240	2.252	100,6%
8	Cổ tức	%	15	9	9	100%

Đánh giá:

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 trong suốt năm, IDICO-INCON đã phân công tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị theo từng giai đoạn đảm bảo an toàn sức khỏe của người lao động, sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, đảm bảo đúng tiến độ hợp đồng đã cam kết với chủ đầu tư.



a) Công tác tổ chức quản lý:

Cơ cấu lao động ổn định: 58 người, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu công việc. Tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm Quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ISO 9001:2015.

b) Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh:

- Về đấu thầu - tiếp thị:

Thực hiện tốt công tác đấu thầu, tỷ lệ trúng thầu đạt 50%, ký mới 41 hợp đồng trị giá khoảng 29 tỷ đồng, Trong đó: 06 hợp đồng tại thị trường mới - miền Tây Nam Bộ như tỉnh Bến Tre: 03 hợp đồng (6,4 tỷ), tỉnh Đồng Tháp 01 hợp đồng (01 tỷ); Một số hợp đồng có giá trị lớn khác như: Tư vấn lập đề xuất dự án và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khu công nghiệp - dịch vụ hậu cần cảng Phước An (3,7 tỷ đồng); Lập báo cáo NCKT, thiết kế, giám sát BVTC các hạng mục công trình dự án Khu du lịch Bình Tiên - Ninh Thuận (12 tỷ đồng); Lập QHPK khu vực trung tâm thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (950 triệu đồng); Thiết kế cảnh quan Dự án KCN Thành Thành Công (1,2 tỷ đồng) ...

- Về thu hồi vốn và xử lý công nợ:

Bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện quyết liệt các khoản công nợ tồn đọng, nợ khó đòi...; Lập kế hoạch thu hồi vốn hàng tháng, quý, phân công thực hiện cho từng cá nhân cụ thể, tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm tình hình thực hiện và đưa ra phương án xử lý phù hợp.

- Về công tác tài chính:

Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ đối với cơ quan nhà nước và cơ quan chủ quản.

1.3 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

Công ty đã thực hiện xong kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Tại 01/01/2020	Tại 31/12/2020	Hệ số bảo toàn
A	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	Tr.đ	26.694,27	25.588,67	1.28
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tr.đ	20.000	20.000	
2	Thặng dư vốn cổ phần	Tr.đ	248,05	248,05	
3	Vốn khác của chủ sở hữu	Tr.đ	1.445,58	1.445,58	
4	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ	3.042,65	1.642,65	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tr.đ	1.957,99	2.252,38	
B	Tổng tài sản		38.190	38.426	
C	Lợi nhuận sau thuế		1.958	2.252	
D	Hiệu quả sử dụng vốn (khả năng sinh lời)				
1	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần		9,46%	9,35%	
2	Hệ số LN sau thuế/Vốn SH (ROA)		7,33%	8.80%	
3	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)		5,13%	5,86%	

2 Xây dựng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

2.1 Về mục tiêu năm 2021:

- Đồng hành cùng Tổng công ty IDICO trong các Dự án chuẩn bị đầu tư đặc biệt là các mảng Năng lượng và Khu công nghiệp.

- Duy trì và nâng cao năng lực tư vấn, năng lực đấu thầu của Đơn vị nhằm tăng tỷ lệ trúng thầu lên 50%, đảm bảo nguồn việc ổn định cả năm;

- Phát huy cao lợi thế năng lực tư vấn trong 03 lĩnh vực: Quy hoạch, thiết kế hạ tầng kỹ thuật và giám sát thi công hạ tầng kỹ thuật;

- Mở rộng thị phần từ thị trường và đối tác truyền thống; Phát triển mạnh mẽ thị trường mới tại các tỉnh miền Tây và Đông Nam bộ, Nam Trung bộ với mục tiêu sản lượng đạt tỷ lệ 60% tổng sản lượng kế hoạch năm.

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	TH Năm 2020	KH Năm 2021	Tỷ lệ KH 2021 / TH 2020
1	Giá trị sản lượng tư vấn	Trđ	28.600	30.000	105%
2	Doanh thu tư vấn	Trđ	24.092	25.000	104%
3	Lao động sử dụng bình quân	Ng	57	57	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.252	2.400	107%
5	Cổ tức	%	9	10	111%

Các biện pháp thực hiện trọng tâm:

a) Chính sách về quản trị doanh nghiệp:

Cải tiến và nâng cao hơn nữa hệ thống quản lý doanh nghiệp với văn hóa, năng lực của Công ty. Đặc biệt là các chính sách về tuyển dụng - đào tạo, chính sách lương thưởng thu hút được đội ngũ chuyên gia có chuyên môn cao đáp ứng chương trình phát triển của Tổng công ty trong thời kỳ mới.

b) Chính sách tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Cải tiến các phương pháp xây dựng giá đấu thầu cạnh tranh đi đôi với việc phát triển và tạo dấu ấn thương hiệu IDICO trong công tác đấu thầu.

- Xây dựng kỹ năng và nâng cao chất lượng trong đàm phán thương thảo hợp đồng với các đối tác đi đôi với công tác tiếp thị thương hiệu tư vấn để ký kết thành công các hợp đồng.

- Thành lập Hội đồng xử lý công nợ và tập trung đề xuất các giải pháp mới có tính khả thi trong công tác thu hồi vốn và xử lý công nợ tồn đọng để triển khai thực hiện hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPTH.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tp.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 về công tác triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kết quả SXKD và các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đề ra; đặc biệt các chỉ tiêu về giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức cổ phiếu; đặc biệt trú trọng công tác quyết toán thu hồi vốn - công nợ; tình hình tài chính Công ty được bảo toàn và phát triển, các khoản công nợ phải trả đều được thanh toán theo đúng thời hạn đã cam kết.

Bên cạnh các chỉ tiêu đạt và vượt so với nhiệm vụ kế hoạch đề ra, do ảnh hưởng lớn bởi tình hình dịch bệnh Covid 19, gây không ít khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Trước những khó khăn trên, Công ty có nhiều các biện pháp tiếp xúc, tiếp thị, quảng bá hình ảnh và đặc biệt nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty và đã thành công trong việc đấu thầu tìm kiếm việc làm.

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHCĐ 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
1. Vốn điều lệ	20.000	20.000	100%
- Vốn CSH tại ngày 01/01/2020		26.694	
- Vốn CSH tại ngày 31/12/2020		25.588	
2. Tổng giá trị sản lượng	28.500	28.600	100,4%
3. Tổng doanh thu	24.000	24.092	100,4%
4. Nộp NSNN		2.870	
5. Lao động bình quân (người)	57	58	
6. Thu nhập b/q (người/tháng)		17,744	

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHCĐ 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
7. Lợi nhuận sau thuế	2.240	2.252	100,6%
8. Cổ tức/Vốn điều lệ	9%	9%	100%
9. Các chỉ tiêu tài chính:			
- LN sau thuế/Doanh thu thuần		9,35%	
- LN sau thuế/Vốn SH (ROA)		8.80%	
- LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)		5,86%	

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã bám sát triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua; tổ chức họp định kỳ, lấy ý kiến thành viên và ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo với các nội dung quan trọng gồm:

2.1. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Phê duyệt phương án sắp xếp một số phòng ban nghiệp vụ nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty hoạt động linh hoạt và hiệu quả hơn; Bổ nhiệm cán bộ điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện trả lương, trích nộp các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đầy đủ và kịp thời theo quy định. Tiền lương và các chế độ người lao động được cải thiện; không có lao động bị mất việc hay không bố trí được việc làm; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

2.2. Công tác xây dựng các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ:

Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán các hạng mục công trình, công trình; Chỉ đạo công tác quản lý nợ, công tác quyết toán thu hồi vốn.

2.3. Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2020:

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Tờ trình của Giám đốc. HĐQT phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Tổng doanh thu và thu nhập khác: 24.091 triệu đồng.
 - + Lợi nhuận trước thuế: 2.252 triệu đồng.
 - + Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:
- Trong đó: Chia cổ tức (9%/Vốn điều lệ): 1.800 triệu đồng.

3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và những người điều hành khác:

- Trên cơ sở quy định của Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc điều hành triển khai thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Hội đồng quản trị phối hợp với Ban giám đốc điều hành thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và có các giải pháp thực hiện nhằm đáp ứng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban giám đốc định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Diễn giải	Đvt	Thù lao năm 2020 (đồng)
1	Hoàng Văn Hiến - Chủ tịch	Đồng	69.334.000
2	Nguyễn Ngọc Khánh - Thành viên	Đồng	24.000.000
3	Nguyễn Đức Tiến - Thành viên	Đồng	24.000.000
4	Phan Công Nhân - Thành viên	Đồng	24.000.000
5	Mai Quốc Chinh - Thành viên	Đồng	24.000.000
6	Thư ký	Đồng	12.000.000

II. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị phối hợp Ban giám đốc điều hành xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ năm KH/TH
1. Tổng giá trị sản lượng	Tr.đồng	30.000	105%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	25.000	104%
3. Lao động sử dụng bình quân	Người	57	100%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.400	107%
5. Cổ tức (VĐL)	%	10	111%

2. Nhiệm vụ trọng tâm.

2.1. Chính sách về quản trị doanh nghiệp:

Cải tiến và nâng cao hơn nữa hệ thống quản lý doanh nghiệp với văn hóa, năng lực của Công ty. Đặc biệt là các chính sách về tuyển dụng - đào tạo, chính sách lương thưởng thu hút được đội ngũ chuyên gia có chuyên môn cao đáp ứng chương trình phát triển của Tổng công ty trong thời kỳ mới.

2.2. Chính sách tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Cải tiến các phương pháp xây dựng giá đấu thầu cạnh tranh đi đôi với việc phát triển và tạo dấu ấn thương hiệu IDICO trong công tác đấu thầu.

- Xây dựng kỹ năng và nâng cao chất lượng trong đàm phán thương thảo hợp đồng với các đối tác đi đôi với công tác tiếp thị thương hiệu tư vấn để ký kết thành công các hợp đồng.

- Thu hồi vốn, công nợ: Thành lập Hội đồng thu hồi vốn, công nợ và tập trung đề xuất các giải pháp có tính khả thi trong công tác thu hồi vốn và xử lý công nợ tồn đọng để triển khai thực hiện hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021. Với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông và sự điều hành linh hoạt bám sát các mục tiêu đặt ra của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Công ty IDICO-INCON sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2021 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

Kính chúc quý các Cổ đông, quý vị Đại biểu và CBCNV Công ty sức khỏe, hạnh phúc và may mắn.

Chúc Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty IDICO-INCON thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY IDICO-INCON NĂM 2021**

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO-INCON),

Ban kiểm soát xin báo Đại hội cổ đông tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với các nội dung như sau:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2020; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban giám đốc Công ty.

*** Thù lao của Ban kiểm soát:**

Stt	Diễn giải	Đvt	Thù lao năm 2020 (đồng)
1	Vũ Thị Thùy Phương - Trưởng ban	Đồng	24.000.000
2	Nguyễn Trọng Thọ - Thành viên	Đồng	12.000.000
3	Phan Thị Thanh Tâm - Thành viên	Đồng	12.000.000

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành Công ty:

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, toàn bộ là kiêm nhiệm. Trong năm 2020 do các thành viên HĐQT đã tổ chức 03 cuộc họp vào các ngày 20/02/2020; 27/7/2020; 23/10/2020 và lấy ý kiến bằng văn bản 02 lần về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các cuộc họp có mời thêm thành phần Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban. Hội đồng quản trị đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của

đơn vị theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết, chủ động đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban giám đốc điều hành có 4 thành viên, đứng đầu là Giám đốc điều hành được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành hoạt động của Công ty đúng chức năng và quyền hạn theo Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược và nhiệm vụ công tác tại các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc thường xuyên kiểm tra, giám sát mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và các chế độ chính sách với người lao động.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện các định hướng chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được trình bày theo quy định và chuẩn mực kế toán; phản ánh trung thực, đầy đủ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung, năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã hoàn thành các mục tiêu, đạt kế hoạch đề ra cụ thể: Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 11%; Chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 16%; Giá vốn hàng bán tăng 38% so với năm 2019; Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 10%; Lợi nhuận trước thuế tăng 6% so với năm 2019.

Trong năm 2020, Công ty đã rất chú trọng đến công tác tiếp thị, đấu thầu nhằm tìm kiếm thị trường, mở rộng sản xuất. Bên cạnh việc đấu thầu truyền thống và tham gia dự thầu online trên mạng đấu thầu quốc gia, Công ty đã ký được 41 hợp đồng tư vấn với giá trị 29 tỷ đồng.

Doanh thu và lợi nhuận của các hoạt động chính của Công ty cụ thể như sau:



- Công tác giám sát kỹ thuật thi công: Doanh thu đạt 4,258 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18%; Lợi nhuận trước thuế đạt **481 triệu đồng**.

- Công tác thiết kế, quy hoạch: Doanh thu đạt 14,908 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 62%; Lợi nhuận trước thuế đạt **1,437 triệu đồng**.

- Công tác lập báo cáo, lập dự án: Doanh thu đạt 3.455 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 14%; Lợi nhuận trước thuế đạt **715 triệu đồng**.

- Công tác Khảo sát: Doanh thu đạt 1,471 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6%; Lợi nhuận trước thuế đạt **13 triệu đồng**.

Qua phân tích số liệu doanh thu, lợi nhuận của từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2020 đã cho thấy các hoạt động có hiệu quả là Công tác Thiết kế, Quy hoạch; Lập báo cáo, lập dự án và Giám sát kỹ thuật thi công.

2.2. Công tác quản lý:

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng suất làm việc của từng cá nhân và bộ phận. Công ty đã quan tâm đến việc hoàn thiện và thực hiện tốt các quy chế, quy định quản lý nội bộ, thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, rà soát, sắp xếp, tinh giảm đội ngũ lao động. Tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo nội bộ định kỳ, đào tạo ứng dụng phần mềm, công nghệ mới trong công tác quản lý.

2.3. Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2020 của IDICO-INCON đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA). Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra, rà soát các số liệu tài chính và nhận thấy rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2020 của IDICO-INCON đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2020. Một số chỉ tiêu chính như sau:

* **Giá trị tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2020:**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	30.034
Tài sản dài hạn	7.793
Tổng cộng tài sản	38.427
Nợ phải trả	12.838
Vốn chủ sở hữu	25.589
Tổng cộng nguồn vốn	38.427
Cơ cấu tài sản	100%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	20%
Cơ cấu nguồn vốn	100%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	33%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	67%
Các chỉ số tài chính	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	6%

Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	9%
Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,5 lần
Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng giá trị tài sản / Nợ phải trả)	2,99 lần
Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	2,39 lần

*** Kết quả sản xuất kinh doanh:**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	So với năm 2019
Tổng doanh thu và thu nhập khác	24.210	Tăng 16%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.091	
Doanh thu hoạt động tài chính	45	
Thu nhập khác	74	
Tổng chi phí	21.526	Tăng 18%
Giá vốn hàng bán	14.893	Tăng 38%
Chi phí tài chính	11	
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	6.567	Giảm 10%
Chi phí khác	56	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.684	Tăng 6%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	431	
Lợi nhuận sau thuế	2.252	Tăng 15%

Qua phân tích các chỉ tiêu tài chính có thể thấy tình hình tài chính của Công ty còn tiềm ẩn một số rủi ro, có thể dẫn đến khó khăn như:

- Các khoản phải thu khách hàng lớn: 11,015 tỷ đồng, tương đương 55% vốn chủ sở hữu, trong đó, nợ phải thu khó đòi là 2,216 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng 1,176 tỷ đồng.

- Giá trị hàng tồn kho lớn: 16,400 tỷ đồng,

c) Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:	2.252.387.611 đồng
- Dự kiến trích lập các quỹ	
+ Chia cổ tức (9%VĐL):	1.800.000.000 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%LNST):	227.149.611 đồng
+ Thưởng Ban điều hành (10%LNST):	225.238.000 đồng

3. Kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính của IDICO-INCON, Ban kiểm soát kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc một số nội dung như sau:

1. Đơn vị cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý tài chính tại doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp và thu hồi công nợ, hàng tồn kho, xây dựng kế hoạch xử lý và thu hồi các khoản công nợ quá hạn khó đòi.

2. Công ty cần tiếp tục quan tâm đến việc đảm bảo chất lượng của các sản phẩm tư vấn của đơn vị, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm để xây dựng thương hiệu IDICO-INCON trên thị trường tư vấn.

3. Công ty cần tiếp tục tăng cường và phát huy hơn nữa công tác tiếp thị, đấu thầu và phát triển các mối quan hệ hợp tác nhằm mở rộng thị trường.

4. Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty cần phân tích, đánh giá hiệu quả của các hoạt động tư vấn, xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.


5. Công ty cần quan tâm, chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- IDICO (b/c);
- HĐQT;
- Lưu BKS Công ty.

Trân trọng.
TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN


Vũ Thị Thùy Phương

CÁC TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 05 /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung chính như sau:

1. Báo cáo của Công ty kiểm toán.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.
- * Báo cáo tài chính đính kèm.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến

Số: 02/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phân phối lợi nhuận
năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 29/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 do Giám đốc Công ty trình,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Thành tiền (đồng)
I	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 dự kiến phân phối:	2.252.387.611
	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% x LNST)</i>	227.149.611
	<i>Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)</i>	225.238.000
	<i>Chia cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 9% x Vốn điều lệ)</i>	1.800.000.000
II	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dự kiến phân phối:	2.400.000.000
	- Chia cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 10% x vốn điều lệ)	2.000.000.000
	- Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)	240.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

Số: 04 /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc báo cáo kết quả chi thù lao năm 2020 và phê duyệt phương án thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo kết quả chi thù lao năm 2020 và phê duyệt phương án chi thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị như sau:

1. Kết quả chi thù lao năm 2020:

Stt	Diễn giải	Đvt	Số tiền
1	Hội đồng quản trị	Đồng	165.334.000
2	Ban kiểm soát	Đồng	48.000.000
3	Thư ký Hội đồng quản trị	Đồng	12.000.000
	Tổng cộng		225.334.000

2. Phương án chi thù lao năm 2021 (kiêm nhiệm):

Stt	Diễn giải	Đvt	Số tiền (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	Đồng	3.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	3.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	Đồng	2.000.000
5	Người phụ trách quản trị	Đồng	2.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TTr-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ tài chính;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Ban kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận; Có uy tín về chất lượng kiểm toán; Có mức phí kiểm toán phù hợp để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật và giao Giám đốc Công ty ký hợp đồng với Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

Trân trọng.
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Thùy Phương

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp theo quy định: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC với các nội dung chính như sau:

1. Về hình thức:

- Điều lệ mới (ĐLM) gồm: 21 Chương, 58 Điều.
- Thay đổi thuật ngữ của một số điều; Thay đổi tên điều khoản (Điều 15, Điều 35, Điều 37 ĐLM); Bỏ điều khoản (Điều 38 ĐLHH); Tách thành điều khoản mới, bổ sung điều khoản mới (Điều 35, Điều 36, Điều 38 ĐLM).

2. Về nội dung:

a) Hủy bỏ:

- Bỏ một số nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành (ĐLHH): Điểm f Khoản 1. Điều 25 - Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị; Điểm e Khoản 2. Điều 27 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; Điểm g, h Khoản 3 Điều 32 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc...

b) Bổ sung:

- Bổ sung các thuật ngữ: Người quản lý doanh nghiệp, Cổ đông, Cổ đông sáng lập, Sở giao dịch chứng khoán (Điều 1).
- Bổ sung một phần nội dung tại các điểm, mục của điều khoản.

c) Thay đổi:

- Thay đổi nội dung mới so với ĐLHH, cụ thể:
 - + Thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần để thực hiện: Các quyền của cổ đông như đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, xem xét, tra cứu tài liệu...(Điều

11); Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 18); Biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông, thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Điều 16, Điều 18, Điều 20)...

+ Thay đổi thời hạn tối thiểu đối với các sự kiện: Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (10 ngày), Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (21 ngày), Gửi thông báo họp Hội đồng quản trị (03 ngày), Gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông (10 ngày)...

+ Một số quy định mới như: Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị (*không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp*), Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (*tùy theo số thành viên Hội đồng quản trị*), Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty (*được tái bổ nhiệm không giới hạn nhiệm kỳ*), Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc...

- Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 03 người (ĐLHH: 05 người).
(*Kèm theo: Bảng so sánh nội dung thay đổi và Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.



Hoàng Văn Hiến

**BẢNG SO SÁNH CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI TẠI ĐIỀU LỆ MỚI
THEO THÔNG TƯ SỐ 116/2020/TT-BTC**

(Kèm theo Tờ trình số /TT- HĐQT ngày /4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON)

- Căn cứ: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO-INCON) theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

DỰ ANH THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)	DỰ ANH NỘI DUNG ĐIỀU LỆ MỚI	CHỮ GIẢI
A. Về hình thức: Phần mở đầu, 21 chương, 58 điều	A. Về hình thức: Phần mở đầu, 16 chương, 57 điều	
B. Về nội dung:	Không quy định	<i>Bổ sung mới</i>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	b. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</u> ;	<i>Thay đổi</i>
c) "Luật doanh nghiệp" là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</u> ;	c. "Luật Chứng khoán" là <u>Luật Chứng khoán số 70/2016/OH11 ngày 29 tháng 6 năm 2016 và Luật số 62/2010/OH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán</u> ;	<i>Thay đổi</i>
d) "Luật Chứng khoán" là <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/OH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</u> ;	d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	<i>Bổ sung thêm</i>
e) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;		

<p>h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>	<p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p>k) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p>	<p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>l) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p>	<p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p>o) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>Không quy định</p>	<p>k. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh <u>theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u>.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty</u>.</p>	<p><i>Quy định chi tiết nhân mạnh hình thức đăng ký</i></p>
<p>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ</p>	<p>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là</u></p>	<p><i>Điều lệ mới bỏ quy định việc xử lý cổ phần do Công ty</i></p>

<p>này và pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này. Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</i></p>	<p>mua lại</p>
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. <i>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) <i>Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</i></p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. <i>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>- Thay đổi định nghĩa xác định quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu.</p> <p>- Bổ sung mới quy định về cam kết chịu trách nhiệm của người đề nghị cấp lại cổ phiếu mới.</p>
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</p> <p>Công ty không trường hợp này nên đề nghị bỏ Điều 10</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, <i>nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi vào thời điểm thu hồi</i> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng</p>	<p>Thay đổi bổ sung, quy định nghĩa vụ tài chính cao hơn.</p> <p>- Điều lệ mới quy định trách nhiệm pháp lý rõ ràng</p>

<p>Điều 11. Quyền của cổ đông <i>Đã quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ</i></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>Bổ quy định này</p> <p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</u></p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật</p>	<p>quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thành toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có <u>thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</u></p> <p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>hơn.</p> <p>-Điều lệ mới bỏ quy định này</p>
<p>Bổ quy định này</p>	<p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</u></p>	<p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Quy định ngắn gọn hơn</p>
<p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Thay đổi điều luật</p>
<p>Bổ quy định này</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p>Bổ quy định này</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p>Bổ quy định này</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>

<p>Doanh nghiệp;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p><u>Tách ra quy định tại Khoản 3 Điều 12</u></p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>Không quy định</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [05]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại <u>Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này</u>;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>Không quy định</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, <u>Giấy chứng minh nhân dân</u>, <u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ</p>	<p><i>Bỏ quy định thời hạn sở hữu CP</i></p> <p><i>Thay đổi điều luật</i></p> <p><i>Bổ sung mới</i></p> <p><i>Thay đổi</i></p> <p><i>Quy định chung giấy tờ pháp lý của cổ đông</i></p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>số hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên</i> hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>phân của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>- Quy định về quyền đề cử tại mục a. Khoản 3 Điều 12: tỷ lệ số hữu của cổ đông và nhóm cổ đông là 5%.</p> <p>- Quy định Nội dung thực hiện đề cử</p>	<p><i>Thay đổi bổ sung: tách ra điều khoản riêng và tăng tỷ lệ sở hữu lên mới có quyền đề cử.</i></p>
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông <i>phổ thông</i> có các nghĩa vụ sau:</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp</p>	<p>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
	<p>Không quy định</p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>

<p>pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ... <u>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua <u>báo cáo tài chính năm được kiểm toán</u>. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u>. Công ty phải mời <u>đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp</u>. Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>		<p><i>Bổ sung mới</i></p> <p><i>Điều chỉnh bổ sung mới và quy định rõ mời Đơn vị kiểm toán được chấp thuận dự ĐH chủ không phải là đơn vị kiểm toán độc lập bất kỳ.</i></p>
<p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>Bổ quy định này</p> <p>b). Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật:</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><i>Thay đổi mới</i></p> <p><i>Điều chỉnh rút gọn</i></p>	
<p>d). Theo yêu cầu của Ban kiểm soát:</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc</p>	<p><i>Điều chỉnh rút gọn</i></p>	

<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><u>Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình:</u></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì <u>trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Điều lệ mới bỏ quy định thời hạn 30 ngày.</p> <p>- Điều chỉnh thay đổi “quyền thay thế HĐQT, BKS” bằng “quyền yêu cầu đại diện Công ty”</p>
<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>- Quy định chi tiết 13 quyền và nghĩa vụ</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính</p>	<p>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Không quy định mục này.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định gắn liền với loại cổ phần đó. <u>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ</p> <p>DL cũ: tách 02 điều khoản (DHDGD thường niên và bất thường).</p> <p>DL mới: quy định 01 điều khoản</p> <p>DL mới: bỏ quy định mức cổ tức trần do HĐQT đề nghị.</p>
		<p>Điều chỉnh bổ sung</p>

<p><i>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</i>];</p>	
<p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p>
<p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p>
<p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>
<p>s) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có vay, bán tài sản giá trị lớn hơn 10% và nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	<p>Không quy định</p>
<p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Không quy định</p>
<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể <u>trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 16. Đại diện được ủy quyền Chỉ quy định cổ đông và người được ủy quyền <u>tham dự họp trực tiếp.</u></p>
	<p><i>Điều chỉnh bổ sung chi tiết nội dung BC của BKS</i></p> <p><i>Bổ sung BKS</i></p> <p><i>Bổ sung BKS</i></p> <p><i>Bổ sung mới</i></p> <p><i>Bổ sung mới</i></p> <p><i>Khoản 3 Điều 144 Luật DN quy định các hình thức tham dự và biểu quyết của CD: trực tiếp, ủy quyền, trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết qua thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác mà Điều lệ quy định</i></p>

<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</p> <p><u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều lệ mới qđ 02 trường hợp thay đổi hủy bỏ liên quan đến CP ưu đãi:</p> <p>1. Thay đổi hoặc hủy bỏ quyền đặc biệt gắn liền với CP ưu đãi;</p> <p>2 Thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của CD sở hữu CP ưu đãi</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không quá [10 ngày]</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn].</p> <p><u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u></p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không sớm hơn năm (05) ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Không quy định</p>	<p>- Thay đổi thời hạn lập danh sách trước ngày gửi TB họp. Để đảm bảo thời gian tổ chức ĐH, đề nghị gửi nguyên 05 ngày như DL cũ.</p> <p>- B/s qđ thời hạn công bố thông tin về lập DSSCD</p>
<p>3.... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn]</i> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>3.... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>Thay đổi thời hạn gửi TB mời họp: Điều lệ cũ: 15 ngày Điều lệ mới: 21 ngày</p>

<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <u>đạt diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đạt diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <u>đạt diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.</u> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đạt diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ và điều chỉnh giảm tỷ lệ đủ để tiến hành họp</p> <p>Điều lệ mới bỏ quy định thời hạn hủy cuộc họp lần thứ nhất (30 phút...)</p>
<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>họp trực tuyến. Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điền từ khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>[65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), <u>mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</u></p> <p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi <u>có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p>	<p>Điều lệ cũ: Tham gia ĐH trực tiếp</p> <p>Điều lệ mới: Họp trực tuyến, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử...</p> <p>Điều chỉnh tỷ lệ Khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật DN qđ: - Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải</p>

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e) [Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định].
 - 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].
 - 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- * Quy định tại Điều lệ mới khác với Điều lệ cũ:*
- Các nội dung thông qua khi đạt tỷ lệ tổng số phiếu biểu quyết cao nhất (từ 65% trở lên), trong đó:
 - + Bổ nội dung: Sửa đổi bổ sung điều lệ;
 - + Bổ sung 02 nội dung Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
 - Các nội dung khác thông qua khi đạt số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành
 - Các nội dung quy định tại Khoản 4 và 6 Điều 144 LDN.

- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc.
- 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu..(K.3)

- Thông qua NQ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì NQ ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số CĐ sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. (K.4)
- NQ ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của CĐ sở hữu CP ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số CĐ ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số CP ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các CĐ ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong TH thông qua

	<p>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</u> [nêu Điều lệ công ty không có quy định khác].</p> <p>2. Thời hạn “gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày</u> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến”.</p> <p>3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</p>	<p><i>NQ dưới hình thức lấy ý kiến bằng VB (K.6)</i></p> <p><i>Khoản 2 Điều 147 quy định các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức BQ tại ĐHĐCĐ:</i></p> <p><i>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>b) Định hướng phát triển công ty;</i></p> <p><i>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i></p> <p><i>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>đ) QĐ đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên;</i></p> <p><i>e) Thông qua BCTC;</i></p> <p><i>g) Tở chức lại, giải thể công ty.</i></p>
<p>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đến các cổ đông “phải gửi <u>ít nhất 15 ngày</u> trước hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến”.</p> <p>3 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông <u>đại diện ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</p>		
<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1 i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy</u></p>	<p>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>

<p><u>định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. <u>Nghi quyết.</u> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <u>tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p style="text-align: center;">Không quy định</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điều chỉnh bổ sung</i></p>
<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Bổ quy định này</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty:</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [40%] được đề cử tối đa [03] ứng viên; Từ [40%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [04] ứng viên; Từ [50%]</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p style="text-align: center;">Không quy định</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ</p>	<p style="text-align: center;"><i>Thay đổi hủy bỏ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Thay đổi bổ sung</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điều lệ mới:</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Hủy bỏ thời hạn nắm giữ CPPT ít nhất 6 tháng</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Tăng tỷ lệ sở hữu lệ 10% có quyền đề</i></p>

<p>trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].</p>	<p>40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>Không quy định</p>
<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo <u>tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u></p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Không quy định nhiệm kỳ của thành viên độc lập HĐQT</p> <p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> c) <u>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u></p>	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Không quy định</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm</p> <p><i>Điều lệ mới: Quy định rõ ràng cụ thể các trường hợp miễn nhiệm bãi</i></p>

<p>* <u>Miễn nhiệm:</u></p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>* <u>Bãi nhiệm:</u></p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>* <u>Thay thế:</u> Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại K1 và K2 Điều lệ này.</p>	<p>không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. <u>Bị rớt loan tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>nhiệm và thay thế.</p>
<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. c) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p>	<p>Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p>	<p>Điều lệ mới; thay từ “quyết định” cho từ “đề xuất”, quy định HĐQT được quyền huy động vốn theo hình thức khác chứ không chỉ có trái phiếu theo Điều lệ cũ.</p>
<p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p>	<p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	<p>Bỏ quy định phải được ĐHĐCĐ ủy quyền (do HĐQT chỉ được đề xuất).</p>
<p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời</p>	<p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p>	<p>Điều lệ mới nêu rõ điều khoản áp dụng trong trường hợp</p>

<p>hạn 12 tháng. <u>Trường hợp khác, việc mua lại có phân do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. <u>Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.</u></p>	<p>HDQT quyết định mua lại CP; không quy định về việc thu hồi CP</p>
<p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</u></p>	<p>Bổ sung thêm trường hợp xử lý lỗ phát sinh (nếu có)</p>
<p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; <u>yêu cầu phá sản Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung yêu cầu phá sản</p>
<p>q) Quyết định ban hành <u>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị</u>. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế về công bố thông tin của công ty.</u></p>	<p>Bổ sung thêm các Quy chế mới</p>
<p style="text-align: center;">Không quy định</p>	
<p>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội</p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện</p>
<p style="text-align: right;">- Điều lệ mới quy định: Trả thù lao,</p>	

<p>đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.</p> <p>Thù lao công việc <u>được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ</u> của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp</u>, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>được ủy quyền) <u>được nhân thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị</u>. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị <u>do Đại hội đồng cổ đông quyết định</u>. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp <u>phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thương niên của Công ty</u>.</p>	<p>thường là quyền của Công ty, trả theo ngày công, được tính vào CP kinh doanh, báo cáo trong BCTC và báo cáo ĐHCĐ.</p> <p>- Điều lệ cũ quy định: TV HĐQT được nhận thù lao cho công việc và do ĐHCĐ quyết định</p>
<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>do Hội đồng quản trị bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc</u>.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch</u>.</p> <p>Không quy định</p> <p>Không quy định</p> <p>Không quy định</p>	<p>DL mới: Bỏ qđ ĐHCĐ bầu CT HĐQT</p> <p>Bỏ sung mới</p> <p>Bỏ sung mới</p> <p>Bỏ sung mới</p>

<p>trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>.</p>		
<p>6. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp.</u></p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. <u>Ban kiểm soát</u>.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên <u>ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.</u></p>	<p>Bổ sung thành viên độc lập HĐQT đề nghị triệu tập họp</p>	<p>Điều chỉnh thời gian gửi TB họp</p>
<p>Không quy định</p> <p><i>Đề nghị giữ nguyên trong Điều lệ mới</i></p>	<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>		<p>Điều lệ mới không quy định</p>

<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. ...Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, <u>lối đi là năm (05) năm</u>. Người phụ trách quản trị công ty có thể <u>kiếm nhiệm làm Thư ký Hội đồng quản trị</u>.</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. ...Người phụ trách quản trị công ty có thể <u>kiếm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Điều lệ mới không quy định nhiệm kỳ của người quản trị và đổi tên Thư ký HĐQT thành Thư ký công ty</p>
<p>Điều 33. Người điều hành Công ty</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (TGD) không quá 05 năm và có thể được <u>bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>.</p>	<p>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</p>	<p>- Bổ sung mới về bổ nhiệm lại GD không hạn chế số nhiệm kỳ</p>
<p>4. Giám đốc (TGD) có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>c) <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty</u>;</p> <p>đ) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty</u>, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty</u>, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>g) Tuyền dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong KD;</p>	<p>3. Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. "...tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất";</p> <p>e. <u>Kiến nghị số lương và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ</u> và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp đề Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị</u> để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>Không quy định tại Điều này</p>	<p>- Giao quyền chủ động cho GD trong điều hành SXKD</p>
		<p>Bổ sung mới</p>

<p>Không quy định</p> <p>Không quy định</p>	<p>g. Vào quý I hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>	<p><i>Đề nghị vẫn giữ nguyên mục g. trong Điều lệ mới</i></p>
<p>Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông <u>nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</u></p>	<p><i>Bỏ quy định thời hạn nắm giữ 6 tháng liên tục</i></p> <p><i>Tăng tỷ lệ sở hữu từ 5% lên 10% mới có quyền đề cử</i></p>
<p>Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 36. Kiểm soát viên</p>	<p><i>Đổi tên điều khoản</i></p>
<p>Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát (Tách thành điều mới)</p> <p>1. ...Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát <u>phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</u></p>	<p>Khoản 3 Điều 36</p> <p>Trưởng ban kiểm soát <u>phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u></p>	<p><i>Điều lệ mới quy định mở rộng lĩnh vực chuyên môn của Trưởng BKS</i></p>
<p>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định <u>tại</u></p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định</p>	<p><i>Điều lệ mới quy định về quyền hạn</i></p>

<p><u>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</u> như sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê duyệt danh sách</u> tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), <u>người quản lý khác.</u></p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	<p>tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> như sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập</u> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và <u>cổ đông;</u></p> <p>Không quy định</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>và nghĩa vụ của BKS tổng quát đầy đủ hơn, tăng quyền của BKS</p> <p>Điều chỉnh</p> <p>Bổ sung mới</p> <p>Thay đổi điều chỉnh</p>
<p>Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Khoản 3 Điều 37. Ban Kiểm soát</p> <p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p>Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở,</p>	<p>Khoản 4 Điều 37. Ban Kiểm soát</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều lệ mới quy định chi tiết hơn về tiền lương, thù lao và chi phí của BKS</p>

<p>đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p><u>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u></p>	<p style="text-align: center;">Không quy định</p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>Bổ điều khoản</p> <p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p style="text-align: center;">Điều 38. Trách nhiệm cần trọng</p> <p style="text-align: center;">Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p style="text-align: center;">Không quy định</p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>Không quy định</p>	<p>4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>

<p>Không quy định</p>	<p>5. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		
<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường Bổ quy định này</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Không quy định</p>
<p>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p>Điều 51. Con dấu Không quy định</p>		<p><i>Điều lệ mới thể hiện ngắn gọn đầy đủ</i></p> <p><i>Thay đổi thuật ngữ</i> <i>Bổ sung mới điều khoản này</i></p> <p><i>Bổ sung mới để cập nhật tình hình thực tế, phù hợp với giao</i></p>

<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại đầu, số lượng, hình thức và nội dung đầu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>địch điện tử hiện nay</p>
<p>Điều 53. Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>Không quy định</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Không quy định</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ DL mới: không sử dụng từ chấm dứt hoạt động Sửa đổi Bổ sung mới</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

IDICO - NCON
ISO 9001 : 2015

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh - Tp.HCM

ĐT: 028.38 99 55 88 - Fax: 028.38 99 55 88 - www.idico-incon.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 11. Quyền của cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	33
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	34
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát....	37
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	40
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	41
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 47. Năm tài chính.....	42
Điều 48. Chế độ kế toán.....	42
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 51. Kiểm toán.....	43
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	44
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	
Điều 53. Giải thể công ty.....	44
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 55. Thanh lý.....	44
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty 46

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực 46

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số 1745/QĐ -BXD ngày 14/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Tư vấn đầu tư IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và

các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO**

Tên tiếng Anh :

IDICO INVESTMENT CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : **IDICO-INCON**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 100 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại : (84) 028. 38 99 55 88

- Fax : (84) 028. 38 99 55 88

- E-mail : vpthincon@gmail.com

- Website : <http://www.idico-incon.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Stt	Tên ngành mã hóa	Mã ngành
1	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Chi tiết:</i> Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp. Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị. Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thiết kế quy hoạch xây dựng công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình. Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất. Thiết kế kết cấu công trình giao thông. Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện. Đánh giá tác động môi trường. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội - ngoại thất công trình. Thiết kế phòng cháy chữa cháy. Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp); Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp); Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông.</p>	7110
2	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng</p> <p><i>Chi tiết:</i> Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học; cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.</p>	4290

Stt	Tên ngành mã hóa	Mã ngành
3	Kinh doanh bất động sản <i>Chi tiết:</i> Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.	6810
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và cơ học đất; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.	7490
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết:</i> Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, kiểm định chất lượng các công trình xây dựng. Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.	7120
6	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật <i>Chi tiết:</i> Khai thác, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới về công nghệ thông tin, công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng.	7210
7	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn <i>Chi tiết:</i> Khai thác, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới về đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ.	7220
8	Hoàn thiện công trình xây dựng: <i>Chi tiết:</i> Thi công trang trí nội - ngoại thất công trình	4330

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Tạo lợi nhuận tối đa cho Công ty, bảo toàn phát triển vốn của các cổ đông..
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông.
- Phát triển uy tín, thương hiệu và thị phần của Công ty ngày càng lớn mạnh
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.000.000 (Hai triệu) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số

giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số

lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan sau đây với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10] ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu [20] ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ

đồng và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện

từ khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng [100%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau quy định phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10] ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [01] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [50%] trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội

đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là: 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu 01 người và phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban

kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Hội đồng quản trị và được điều động làm nhiệm vụ khác theo yêu cầu của tổ chức đó.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều

133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày] làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày] làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3

Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu

được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin

của Công ty;

- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều

kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ

không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo

quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ngày 31 tháng 01 năm 2007) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm

toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58 Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA IDICO- INCON GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Khánh

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

IDICO - NCON
ISO 9001:2015

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh - Tp.HCM

ĐT: 028.38 99 55 88 - Fax: 028.38 99 55 88 - www.idico-incon.com.vn

MỤC LỤC

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

ĐIỀU 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

2.1.1 Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

2.1.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau

2.1.3 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau

2.2. Trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

2.2.1 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

2.2.2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

2.2.3. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

2.2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

2.2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

2.2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

2.2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

2.2.8. Điều kiện tiến hành

2.2.9. Cách thức bỏ phiếu

2.2.10. Cách thức kiểm phiếu

2.2.11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

2.2.12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

2.2.13. Các thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

2.2.14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

2.2.15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

2.3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

2.3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

2.4.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

2.4.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

2.4.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

2.4.4. Điều kiện tiến hành

2.4.5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- 2.4.6. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến
- 2.4.7. Thông báo kết quả kiểm phiếu
- 2.4.8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- 2.4.9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

ĐIỀU 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 3.1.1. Vai trò của Hội đồng quản trị
- 3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

3.2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 3.2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị
- 3.2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

3.3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

- 3.3.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quy/năm Hội đồng quản trị
- 3.3.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường
- 3.3.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị
- 3.3.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Ban kiểm soát
- 3.3.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị
- 3.3.6. Cách thức biểu quyết
- 3.3.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
- 3.3.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
- 3.3.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị
- 3.3.10. Thông báo nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị

4. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- 4.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty
- 4.2. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- 4.3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

ĐIỀU 4 BAN KIỂM SOÁT

- 4.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
- 4.2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát
- 4.3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát
- 4.4. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 4.5. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát
- 4.6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
- 4.7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
- 4.8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

ĐIỀU 5. GIÁM ĐỐC

- 5.1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc
- 5.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc
 - 5.2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc
 - 5.2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc
 - 5.2.3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc
 - 5.2.4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc
 - 5.2.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc
 - 5.2.6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

ĐIỀU 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

6.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

- 6.1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc
- 6.1.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc
- 6.1.3. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
- 6.1.4. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
- 6.1.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc
- 6.1.6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- 6.1.7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

6.2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC THI HÀNH

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày /4/2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

ĐIỀU 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

2.1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2.1.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2.1.3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2.2. Trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

2.2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2.2.2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty gửi văn bản tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội công bố ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời gửi văn bản tới Trung tâm lưu ký chứng khoán thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Văn bản công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán tối thiểu [20] ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.2.3. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp :

Sau khi nhận được Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp, Công ty lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10] ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

2.2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định về thời gian;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp bị từ chối kiến nghị nêu trên; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức: điện thoại, email, fax, thư tín hoặc trực tiếp trước khi Đại hội khai mạc để xác nhận tham dự.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2.2.8. Điều kiện tiến hành:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục 1 thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục 2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.2.9. Cách thức bỏ phiếu:

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền..

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

- Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

+ Thông qua các hợp đồng khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

+ Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

2.2.10. Cách thức kiểm phiếu:

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, các nội dung biểu quyết.

2. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm từng phiếu biểu quyết và cộng dồn tổng số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, và số phiếu không ý kiến hoặc số phiếu không hợp lệ đối với từng nội dung cần biểu quyết.

2.2.11. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

2.2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- g. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng [100%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.2.13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2.2.14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2.2.15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp gồm:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2.3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10] ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến

2.4.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Trường hợp Công ty trang bị nền tảng công nghệ có thể tổ chức Đại hội bằng hình thức hội nghị trực tuyến, Công ty sẽ nêu rõ tại thông báo triệu tập họp và quy định chi tiết tại Quy chế Đại hội.

Mỗi cổ đông đều được cung cấp một (01) thông báo mời họp bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện/email/fax trước ngày họp, trên thông báo/email/fax có Mã cổ đông, Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật Mã cổ đông, Tên đăng nhập, Mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc biểu quyết, bầu cử trên hệ thống trực tuyến của Công ty.

2.4.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Thực hiện như quy định tại Mục 2.2.7 Điều 2

2.4.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Thực hiện như quy định tại Mục 2.2.6 Điều 2

2.4.4. Điều kiện tiến hành;

Thực hiện như quy định tại Mục 2.2.8 Điều 2

2.4.5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;

Cổ đông sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu được cấp để truy cập vào hệ thống trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bầu cử theo các nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Với mỗi một vấn đề được đưa ra biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một (01) trong các phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến hiển thị trên giao diện Biểu quyết – Bầu cử tại hệ thống trực tuyến.

Với nội dung bầu cử, cổ đông lựa chọn phương thức bầu dồn hoặc bầu ghi số. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho ứng viên, cổ đông tích chọn tại cột “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng trên giao diện Biểu quyết- Bầu cử tại hệ thống trực tuyến. Nếu bầu ghi số cho ứng viên nào, cổ đông điền số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng trên giao diện Biểu quyết - Bầu cử tại hệ thống trực tuyến.

2.4.6. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Cách thức ghi nhận của hệ thống trực tuyến như sau Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh. Khi đó hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm niêm phong hòm phiếu tại địa điểm tổ chức Đại hội để kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử. Thời gian biểu quyết, bầu cử trực tuyến bắt đầu từ kể từ khi cổ đông nhận được thông tin truy cập đến thời điểm kết thúc biểu quyết, bầu cử trực tuyến được quy định trên thông báo của hệ thống trực tuyến. Kết thúc thời gian quy định, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả biểu quyết, bầu cử trực tuyến từ cổ đông.

2.4.7. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Thực hiện theo quy định tại Mục 2.2.13

2.4.8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Thực hiện theo quy định tại Mục 2.2.15

2.4.9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện theo quy định tại Mục 2.2.16

ĐIỀU 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

3.1.1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

t. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3.2 Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

3.2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là: 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3.2.2 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

3.2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [01] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [50%] trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3.2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì ứng viên nào đang nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc Chủ tọa quyết định theo một phương án mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

3.2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Thành viên đó bị thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

e. Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Hội đồng quản trị và được điều động làm nhiệm vụ khác theo yêu cầu của tổ chức đó.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Nội dung bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, được ghi trong Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

3.2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3.2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày] làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3.3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

3.3.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần, tối thiểu 04 lần/ năm và có thể họp bất thường.

3.3.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đề nghị quy định tại mục 1 phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn [07 ngày] làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại mục 1. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3.3.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3.3.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Ban kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3.3.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3.3.6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3.3.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.3.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3.3.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản chi tiết, rõ ràng và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
- k. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- l. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3.3.11. Thông báo nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị

Nghị quyết/ Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên và Nghị quyết/ Quyết định đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong

cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Nghị quyết Quyết định trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

4.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4.2. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 4. BAN KIỂM SOÁT

4.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

m) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4.4. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4.5. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

4.6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông báo phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi thông báo có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

4.8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 5. GIÁM ĐỐC

5.1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Vai trò của Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

5.2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5.2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

5.2.3. Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

Sau khi có quyết định bỏ nhiệm Giám đốc, Hội đồng Quản trị ký Hợp đồng lao động với Giám đốc.

Nội dung Hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, tiền lương, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm, quyền hạn và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

5.2.4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

1. Các trường hợp miễn nhiệm như sau:

- Do nhu cầu công tác, do sắp xếp lại tổ chức;
- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- Căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- Có đơn từ chức.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5.2.5. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Thông báo về bỏ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.2.6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

6.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

6.1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:

Hội đồng quản trị sẽ mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban Giám đốc tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Giám đốc được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc trong thời gian năm [05] ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Tại các phiên họp của Ban kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Giám

đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất năm [05] ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc trong thời gian năm [05] ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Ban kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.

Tại các phiên họp của Ban Giám đốc có nội dung quan trọng, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba [05] ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm [05] ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

6.1.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

6.1.3. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy [07] ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc ít nhất năm [05] người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- Thành lập các công ty con của Công ty;
- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng:

- Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6.1.4. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc phải tổ chức họp Ban Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Giám đốc.

Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các đối tượng này khi được yêu cầu.

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

6.1.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Hàng quý, Hội đồng quản trị họp kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, các nội dung ủy quyền của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, cũng như Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

6.1.6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn [05] ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

Vào Quý I hàng năm, Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

Các nội dung khác Giám đốc cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là [05] ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng [07] ngày làm việc.

Trong trường hợp cấp thiết Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

6.1.7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của Công ty trực tiếp qua các cán bộ công nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng ban trong Công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban kiểm soát để làm sáng rõ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

6.2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có thành tích trong công tác quản lý.

- Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế này gồm 07 Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm 2021.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hoàng Văn Hiến

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

(Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.



Hoàng Văn Hiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

IDICO - NCON
ISO 9001:2015

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh - Tp.HCM
ĐT: 028.38 99 55 88 - Fax: 028.38 99 55 88 - www.idico-incon.com.vn

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 2

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị..... 3

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 3

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị..... 3

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 4

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..... 5

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị..... 5

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch..... 8

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 9

Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị..... 10

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị..... 11

Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm..... 12

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 13

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 13

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị..... 14

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành 14

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát..... 14

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành 15

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày /4/2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có [03] thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày thành viên Hội đồng quản trị đó không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [01] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [50%] trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành

viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không

điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương

trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công

ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO bao gồm [07] chương, [23] điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
Số 01/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

(Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.

Vũ Thị Thùy Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

IDICO - NCON
ISO 9001 : 2015

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh - Tp.HCM
ĐT: 028.38 99 55 88 - Fax: 028.38 99 55 88 - www.idico-incon.com.vn

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	8

Chương IV: CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp của Ban kiểm soát	8

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	9

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	10

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành	11
----------------------------------	----

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKS ngày /4/2021
của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban

kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có [03] thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [01] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [50%] trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu [10] ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác

quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật Chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO bao gồm [07] chương, [22] điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUY CHẾ BẦU CỬ

Số: 07/TTr-HĐQT

Tp.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS
và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2017 - 2022**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Quy chế Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 27/4/2021;
- Văn bản số 227/TCT-TCKT ngày 07/4/2021 của Tổng công ty IDICO-CTCP về việc miễn nhiệm và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đối với:

- Ông Nguyễn Đức Tiến - Thành viên độc lập HĐQT
- Ông Mai Quốc Chính - Thành viên HĐQT
- Ông Phan Công Nhân - Thành viên HĐQT
- Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thành viên Ban kiểm soát

2. Danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

2.1 Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Hoàng Tuấn Anh - Sinh năm
(Tóm tắt lý lịch trích ngang kèm theo)

2.2 Ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Vũ Tuấn Anh - Sinh năm:
(Tóm tắt lý lịch trích ngang kèm theo)

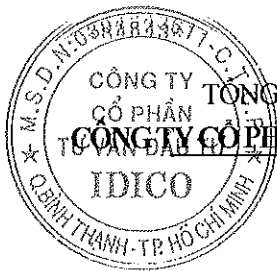
Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.





Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO năm 2021;

Để đảm bảo nguyên tắc, thể lệ bầu cử theo luật định, Đại hội đồng cổ đông quy định nội dung thể lệ bầu cử như sau:

1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 05/4/2021) có mặt tại Đại hội.

2. Đối tượng được ứng cử, đề cử và số thành viên được bầu:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: 01 người.
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu bổ sung: 01 người.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [40%] được đề cử tối đa [03] ứng viên; Từ [40%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [04] ứng viên; Từ [50%] trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

4.1. Căn cứ Khoản 2 Điều 36 Điều lệ công ty, thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4.2. Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: thành viên Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

5. Phương thức bầu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền nhân 01 (số lượng thành viên bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát).

- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình hoặc một phần trên tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

6. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử:

6.1 Phiếu bầu:

6.1.1 Hình thức phiếu bầu:

- Phiếu bầu Hội đồng quản trị in trên giấy màu vàng, có tên và con dấu của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

- Phiếu bầu Ban Kiểm soát in trên giấy màu hồng, có tên và con dấu của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

- Phiếu bầu hợp lệ là phiếu do Ban kiểm phiếu phát hành và phải bầu những người có trong Danh sách đề cử, ứng cử.

6.1.2 Nội dung phiếu bầu: gồm 02 phần

- Phần 1: Tên cổ đông, mã cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền, tổng số phiếu bầu.

- Phần 2: Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

6.1.3 Trình tự bầu cử:

- Ban Kiểm phiếu phát phiếu bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền).

- Cổ đông ghi các thông tin còn trống và thực hiện bầu. Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

6.1.4 Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Công ty phát hành, không có dấu Công ty.

- Phiếu gạch xóa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu không còn nguyên vẹn.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

6.2 Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

6.2.1 Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Thông qua Quy chế bầu cử.

+ Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

6.2.2 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản và được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

6.2.3 Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS:

- Ứng cử viên trúng cử được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

* Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /TB-CT

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2021

Về việc thôi làm đại diện phần vốn và tham gia
thành viên HĐQT, BKS tại IDICO-INCON

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty IDICO-INCON;
- Hội đồng quản trị công ty IDICO-INCON.

Tên cổ đông: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp
IDICO (IDICO-URBIZ).

Địa chỉ: đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số DN: 3600257771 đăng ký lần đầu ngày 07/6/2007, đăng ký thay
đổi lần thứ 8 ngày 06/12/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở KH và ĐT
tỉnh Đồng Nai cấp.

- Căn cứ Báo cáo số 197/BC-TCT ngày 31/3/2021 của Tổng công ty
IDICO kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của
người nội bộ.

Công ty IDICO-URBIZ xin thông báo đến Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng
quản trị Công ty IDICO-INCON về việc thôi làm đại diện phần vốn và tham gia
thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 đối với:

1. Ông Phan Công Nhân;
2. Bà Phan Thị Thanh Tâm.

(Kèm theo đơn từ nhiệm)

Lý do: Công ty IDICO-URBIZ hết vốn tại Công ty IDICO-INCON.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ, TCKT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phan Văn Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty IDICO-INCON;
- Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON.

Tên tôi: **Phan Công Nhân**

Số CCCD: 024454861 cấp ngày 19/01/2006 tại CA Tp Hồ Chí Minh

Hộ khẩu thường trú: Chung cư Phố Gia Phúc - P. Linh Chiểu - Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Chung cư Phố Gia Phúc - P. Linh Chiểu - Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện là thành viên Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Nay Tôi làm đơn này đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON chấp thuận cho tôi từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022, kể từ ngày 27/4/2021.

Lý do: Công ty IDICO-URBIZ đã thoái 100% vốn tại Công ty do Tôi được cử làm đại diện.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Phan Công Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty IDICO-INCON;
- Ban kiểm soát Công ty IDICO-INCON.

Tên tôi: **Phan Thị Thanh Tâm**

Số CMND: 012180804 do Công an Hà Nội cấp ngày 27/11/2012

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 36, ngõ 99, Phố Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 13, ấp Xóm Gốc, xã Long An, Long Thành, Đồng Nai

Hiện là Thành viên Ban kiểm soát Công ty IDICO-INCON nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Nay Tôi làm đơn này đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát Công ty chấp thuận cho tôi từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022, kể từ ngày 27/4/2021.

Lý do: Công ty IDICO-URBIZ đã thoái 100% vốn tại Công ty IDICO-INCON.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát Công ty IDICO-INCON xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

Đồng Nai, ngày 2 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Phan Thị Thanh Tâm

DỰ THẢO
BIÊN BẢN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI



TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Quy chế quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Báo cáo kết quả kiểm tra danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội,

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO có Trụ sở đăng ký tại:

Số 100 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0304843611 do Sở KH & ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 27/4/2021 trụ sở Công ty.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Tổng số cổ đông đăng ký tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội là: cổ đông, nắm giữ: cổ phần/2.000.000 cổ phần của Công ty, đạt% vốn điều lệ Công ty.

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO đủ điều kiện để tiến hành họp.

Phần thủ tục:

Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua nhân sự của Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu như sau:

1. Đoàn Chủ tịch gồm các ông (bà):

- Ông Hoàng Văn Hiến
- Ông Nguyễn Ngọc Khánh
- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa
- Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty

2. Thư ký Đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Phương Dung

3. Ban Kiểm phiếu gồm các ông (bà):

- Ông Lê Thanh Ngân - Trưởng ban
- Bà Bùi Thị Huế - Thành viên

Đại hội đã thông qua Quy chế làm việc và Nội dung chương trình Đại hội với% số cổ phần tham gia biểu quyết.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

A. Đại hội thảo luận và phát biểu ý kiến:

Sau khi nghe các Báo cáo gồm:

1. Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát.
4. Các Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Phần thảo luận, nhận xét và đề xuất ý kiến: Các cổ đông tham gia thảo luận về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 của Công ty như sau:

-
Đoàn Chủ tịch đã tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông.

B. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Các Báo cáo của Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Các Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Căn cứ các Biên bản kiểm phiếu ngày 27/4/2021 do Ban kiểm phiếu lập, kết quả biểu quyết như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Mục tiêu và kế hoạch năm 2021 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH /KH 2020
1	Giá trị sản lượng vốn	Tr.đ	27.500	28.500	28.600	100,4%
2	Doanh thu tư vấn	Tr.đ	26.000	24.000	24.092	100,4%
3	Lao động SDBQ	Người	60	57	58	101,7%
6	Nộp NSNN	Tr.đ	2.737		2.870	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.958	2.240	2.252	100,6%
8	Cổ tức	%	15	9	9	100%

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	TH Năm 2020	KH Năm 2021	Tỷ lệ KH 2021 / TH 2020
1	Giá trị sản lượng tư vấn	Trđ	28.600	30.000	105%
2	Doanh thu tư vấn	Trđ	24.092	25.000	104%
3	Lao động sử dụng bình quân	Ng	57	57	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.252	2.400	107%
5	Cổ tức	%	9	10	111%

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị với số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát với số cổ phần biểu quyết tán thành là: : cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán với số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 dự kiến phân phối:	2.252.387.611
	<i>Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 9% x VDL)</i>	<i>1.800.000.000</i>
	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% x LNST)</i>	<i>227.149.611</i>
	<i>Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)</i>	<i>225.238.000</i>
II	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dự kiến phân phối:	2.400.000.000
	<i>- Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 10% x vốn điều lệ)</i>	<i>2.000.000.000</i>
	<i>- Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)</i>	<i>240.000.000</i>

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị công ty năm 2021, với số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung như sau:

Stt	Diễn giải	Đvt	Số tiền (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	Đồng	3.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	3.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	Đồng	2.000.000
5	Người phụ trách quản trị	Đồng	2.000.000

7. Thông qua việc ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

8. Thông qua Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

10. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, đạt % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

C. Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022:

Căn cứ kết quả kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội, các ông/bà có tên sau đây đã trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022:

1. Ông/Bà

2. Ông/Bà

D. Phần kết luận:

Thư ký đã tiến hành đọc Biên bản cuộc họp và Dự thảo Nghị quyết Đại hội. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua%.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được tiến hành theo đúng trình tự và nội dung chương trình, tuân thủ đúng Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc. Các cổ đông đều được thực hiện đầy đủ các quyền của mình.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 27/4/2021.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Thị Phương Dung

Hoàng Văn Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
 /NQ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Quy chế quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO ngày 27/4/2021;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua nội dung các tài liệu họp tại Đại hội. Cụ thể:

1. Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Mục tiêu, kế hoạch năm 2021.

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	TH Năm 2020	KH Năm 2021	Tỷ lệ KH 2021 / TH 2020
1	Giá trị sản lượng tư vấn	Trđ	28.600	30.000	105%
2	Doanh thu tư vấn	Trđ	24.092	25.000	104%
3	Lao động sử dụng bình quân	Ng	57	57	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.252	2.400	107%
5	Cổ tức	%	9	10	111%

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc.

4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

5. Phê chuẩn Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 dự kiến phân phối:	2.252.387.611

Stt	Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
	<i>Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 9% x VDL)</i>	1.800.000.000
	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% x LNST)</i>	227.149.611
	<i>Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)</i>	225.238.000
II	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dự kiến phân phối:	2.400.000.000
	- <i>Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 10% x vốn điều lệ)</i>	2.000.000.000
	- <i>Trích khen thưởng Ban điều hành (10% x LNST)</i>	240.000.000

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2021 như sau:

Stt	Diễn giải	Đvt	Số tiền (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	Đồng	3.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	3.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	Đồng	2.000.000
5	Người phụ trách quản trị	Đồng	2.000.000

7. Thông qua việc ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

8. Thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ, ban hành Điều lệ mới theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 thay thế Điều lệ hiện hành của Công ty.

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, ban hành Quy chế mới thay thế Quy chế hiện hành đã được ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-CT ngày 22/6/2020.

10. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 2. Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

Ông/Bà chính thức là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO nhiệm kỳ 2017-2022 kể từ ngày 27/4/2021.

Ông/Bà chính thức là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO nhiệm kỳ 2017-2022 kể từ ngày 27/4/2021.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Tổng công ty (báo cáo);
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VPTH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Văn Hiến